

Harvest the Sunshine

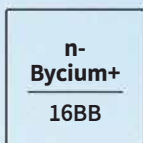
640W



JA SOLAR

# JAM72D42 LB n-type Double Glass Bifacial Modules

## Premium Cells



Công nghệ  
MBB Half-Cell

26%



Hiệu suất chuyển  
đổi của cell

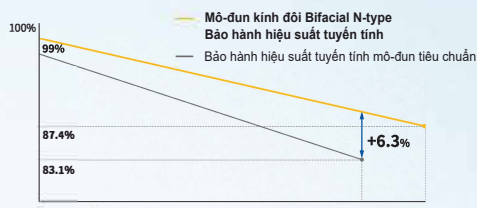
## Premium Modules

⚡ Hiệu suất phát điện  
cao hơn LCOE

LID N-type với LID thấp

🌡️ Hệ số nhiệt tốt hơn

☁️ Phản ứng tốt hơn với  
bức xạ thấp

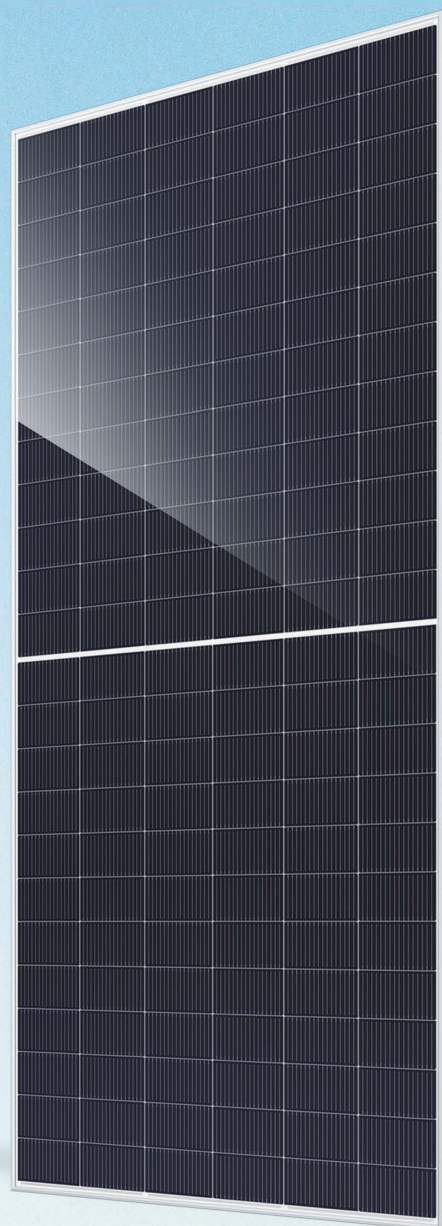


12 Bảo hành sản  
phẩm 12 năm

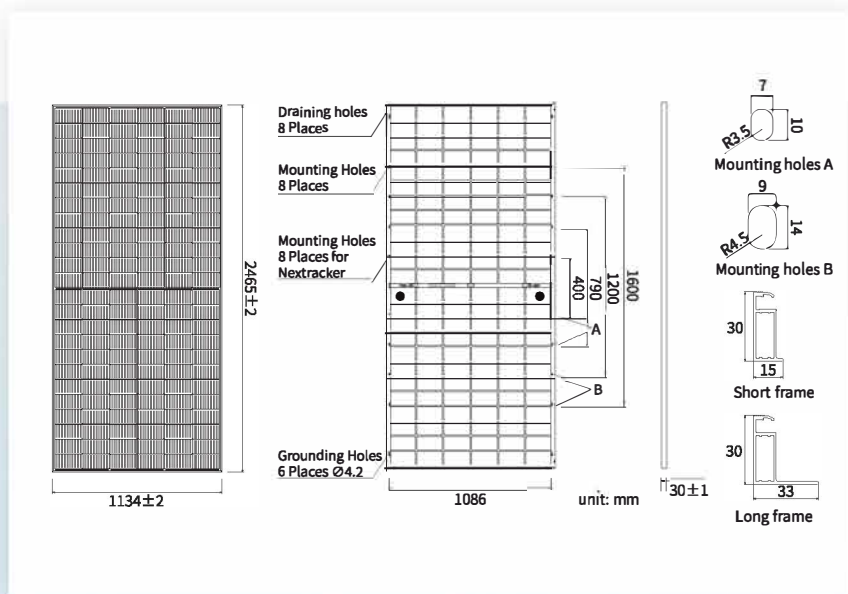
30 Bảo hành hiệu suất 30 năm

## Chứng chỉ

- IEC 61215, IEC 61730, UL 61215, UL 61730
- ISO 9001: 2015 Hệ thống quản lý chất lượng
- ISO 14001: 2015 Hệ thống quản lý môi trường
- ISO 45001: 2018 Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- IEC 62941: 2019 Mô-đun PV trên mặt đất - Hệ thống chất lượng cho sản xuất mô-đun PV



DEEP BLUE 4.0 Pro



### THÔNG SỐ CƠ HỌC

Cell	Mono
Trọng lượng	34.6kg
Kích thước	2465±2mmX1134±2mmX30±1mm
Kích thước mặt cắt cáp	4mm <sup>2</sup> (1EC), 12 AWG(UL)
Số lượng cell	144(6X24)
Hộp điện	IP68, 3 diodes
Kết nối	QC 4.10-351/ MC4-EV02A
Chiều dài cáp (bao gồm cả kết nối)	Dọc: 300mm(+)/400mm(-) Ngang: 1500mm(+)/1500mm(-)
Mặt kính trước/sau	2.0mm/2.0mm
Đóng gói	36tấm/Pallet, 576tấm/40HQ Container

Lưu ý: màu khung và chiều dài cáp tùy chỉnh theo yêu cầu

### THÔNG SỐ TẠI STC

TYPE	JAM72D42 615/LB	JAM72D42 620/LB	JAM72D42 625/LB	JAM72D42 630/LB	JAM72D42 635/LB	JAM72D42 640/LB
Công suất định mức tối đa(Pmax) [W]	615	620	625	630	635	640
Điện áp hở mạch (Voc)	51.87	52.07	52.27	52.47	52.67	52.87
Điện áp tại công suất tối đa(Vmp)	43.31	43.51	43.71	43.90	44.10	44.29
Dòng ngắn mạch(Isc) [A]	15.06	15.11	15.16	15.21	15.26	15.31
Dòng tại công suất tối đa(Imp) [A]	14.20	14.25	14.30	14.35	14.40	14.45
Hiệu suất mô-đun[%]	22.0	22.2	22.4	22.5	22.7	22.9
Dung sai công suất	0~+3%					
Hệ số nhiệt Isc	+0.045%/°C					
Hệ số nhiệt Voc	-0.250%/°C					
Hệ số nhiệt Pmax	-0.290%/°C					
STC	Bức xạ 1000W/m <sup>2</sup> , nhiệt độ cell 25°C, AM1.5G					

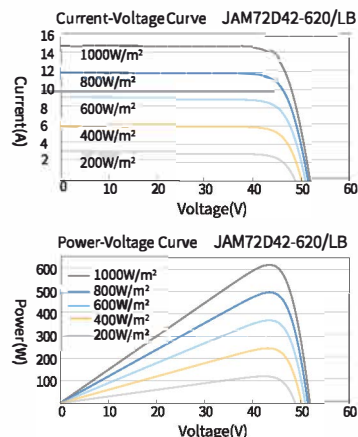
Lưu ý: dữ liệu trong danh mục này không đề cập đến một mô-đun duy nhất và chúng không nằm trong ưu đãi. Chúng chỉ dùng để so sánh giữa các loại mô-đun khác nhau.

### ĐẶC TÍNH ĐIỆN VỚI TỶ LỆ BỨC XẠ MẶT TRỜI 10%

TYPE	JAM72D42 615/LB	JAM72D42 620/LB	JAM72D42 625/LB	JAM72D42 630/LB	JAM72D42 635/LB	JAM72D42 640/LB
Công suất định mức tối đa (Pmax) [W]	664	670	675	680	686	691
Điện áp hở mạch (Voc)	51.87	52.07	52.27	52.47	52.67	52.87
Điện áp tại công suất tối đa(Vmp)	43.31	43.51	43.71	43.90	44.10	44.29
Dòng ngắn mạch (Isc) [A]	16.26	16.32	16.37	16.43	16.48	16.53
Dòng tại công suất tối đa (Imp) [A]	15.34	15.39	15.44	15.50	15.55	15.61
Tỷ lệ bức xạ (sau/trước)	10%					

\* Đối với các lắp đặt Nextracker, tải trọng tĩnh tối đa vai lòng tham khảo thư chấp thuận tương thích giữa JA Solar và Nextracker. \*\* Bifacial = Pmax, mặt sau/Pmax danh định, mặt trước

### ĐẶC TÍNH



### ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Điện áp hệ thống tối đa	1500VDC
Nhiệt độ hoạt động	-40C~+85°C
Dòng cầu chì tối đa	30A
Tải trọng tĩnh tối đa, mặt trước*	5400Pa(112 lb/ft <sup>2</sup> )
Tải trọng tĩnh tối đa, mặt sau*	2400Pa(50 lb/ft <sup>2</sup> )
NOCT	45±2°C
Tính Bifacial**	80%±10%
Cấp độ an toàn	Class II
Phòng cháy	UL Type 29/Class C